Văn hóa dân gian trong văn xuôi đương đại Việt Nam

 Chia sẻ

Thứ Năm, ngày 10/11/2011 - 11:49

**(Toquoc)- Mối quan tâm lớn của xã hội đương đại là việc giữ gìn những nét độc đáo trong bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Nhiều thế hệ nhà văn, nhà thơ đi suốt chiều dài lịch sử của đất nước cũng đã không ngừng khai thác những giá trị văn hóa dân tộc trong sáng tác của mình. Văn xuôi thời kỳ đổi mới, tưởng chừng bị cuốn đi với thời đại của điện tử công nghệ thông tin…**

Song, những nhà văn, ngay cả thế hệ các nhà văn trẻ cũng luôn tìm tòi, khai thác các giá trị văn hóa dân tộc. Gần đây, các nhà văn: Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Xuân Khánh, Y Ban, Nguyễn Ngọc Tư, Tạ Duy Anh, Võ Thị Hảo… Khi đọc những tác phẩm của họ, ta vẫn bắt gặp rất nhiều những “chất liệu” văn hóa dân gian trong đó. Bởi văn học là tấm gương phản chiếu văn hóa dân tộc. Con đường để đến với văn hóa của mỗi dân tộc thường thông qua các tác phẩm văn học. Giá trị đích thực của văn học là ở chỗ nó phản ánh tất cả các vấn đề văn hóa, xã hội, vận mệnh, tiền đồ của dân tộc, phản ánh tinh thần của thời đại.

Trong Hội thảo quốc tế “*Văn học Việt Nam trong bối cảnh giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế” (Vietnamese Literature in the Regional and International context of cultural exchanges)*, được tổ chức tại Hà Nội do Viện Văn học phối hợp với Harvard - Yenching Institute (Hoa Kỳ) vào tháng 11 năm 2006, GS. Phan Trọng Thưởng (Viện trưởng Viện văn học) đã nhận định: Có lẽ đây là thời điểm tốt để nhìn nhận lại Văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới một cách điềm tĩnh, vì nó không còn bị cuốn hút vào các mục tiêu trước mắt của quá trình đổi mới nữa. Việc nghiên cứu quan hệ văn chương - văn hóa được đặt trong một khuôn khổ rộng hơn: văn chương Việt Nam (quá khứ và hiện tại) như là một thành tố của văn hóa khu vực, văn hóa nhân loại. Theo đó, bản sắc dân tộc, tính nhân loại trong văn chương, văn hóa sẽ được nhìn nhận một cách mới mẻ, đa dạng hơn. Ông cũng khẳng định: văn học thời nào cũng phải đặt trong cấu trúc tổng thể của văn hóa, nhưng ở ta xem xét văn học và tiếp cận văn học từ góc độ văn hóa hiện nay vẫn là vấn đề hết sức mới mẻ. Tuy nhiên, cách tiếp cận văn học từ văn hóa là một hướng tiếp cận có hiệu quả. Cách tiếp cận này xem văn học như là một thành tố trong cấu trúc của tổng thể văn hóa, nó chuyển tải, lưu giữ được những giá trị văn hóa.

Trong văn xuôi đương đại, chúng ta vẫn bắt gặp những ngôi làng: Làng Giếng Chùa (tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường), làng Cổ Đình (tiểu thuyết *Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh), làng Đông (tiểu thuyết *Bến không chồng*của Dương Hướng), xóm Nhài (truyện ngắn *Những bài học nông thôn* của Nguyễn Huy Thiệp), Bản Hua Tát (truyện *Những ngọn gió Hua Tát* của Nguyễn Huy Thiệp), xóm nhỏ (truyện ngắn *Hiu hiu gió bấc*của Nguyễn Ngọc Tư), làng Lạc Quần (truyện ngắn *Tôi và gã*của Y Ban)… Làng xóm là cái nôi cho sinh hoạt văn hóa truyền thống lâu đời, dù ở đồng bằng (làng Đông, làng Giếng Chùa), trung du (làng Cổ Đình) hay miền núi (bản Hua Tát). Và ở mỗi làng quê ấy đều có một ngôi đình. Ở Việt Nam, đình làng là một sản phẩm độc đáo và được đặt ở vị trí trung tâm của làng; vừa là công đường, vừa là nơi sinh hoạt văn hóa. Ai cũng muốn có vai vế ở “góc chiếu sân đình”.

Tâm lý tự hào về ngôi đình của làng mình là tâm lý phổ biến của người dân Việt Nam. Tâm lý ấy vừa phản ánh niềm tin vào sức mạnh cố kết cộng đồng làng xã, vừa thể hiện niềm tự hào quê hương của mỗi người. Người làng Đông, làng Cổ Đình, làng Giếng Chùa… tự hào về những cái nhất của làng mình: “*Chẳng to cũng gọi Đình Đông. Có cầu Đá Bạc bắc qua sông Đình. Chàng ơi có nhớ đến mình. Nhớ cầu Đá Bạc nhớ đình làng Đông*” (*Bến không chồng*, tr.120).

Không gian văn hóa của các tác phẩm văn xuôi hiện đại thường gắn với hình ảnh dòng sông, cánh đồng, cây đa, bến nước: dòng sông Đình (*Bến không chồng*), sông Son (*Mẫu thượng ngàn*), sông Cầu (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*), sông Cái (*Con gái thủy thần* của Nguyễn Huy Thiệp), những dòng sông, cánh đồng mênh mang, ngút ngát (*Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư)…Với người Việt, từ bao đời, sông luôn gần gũi và yêu thương, sông gắn với những kỷ niệm về quê hương, cha mẹ. Sự miêu tả của các nhà văn hiện đại về các dòng sông đúng như nhận định của GS. Trần Quốc Vượng: Tính sông nước là một đặc trưng của văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, hình ảnh ruộng đồng, gò bãi, sông nước nếu chỉ dừng lại ở việc miêu tả thì đó mới chỉ là không gian sống, là bối cảnh. Các nhà văn đã khai thác những giá trị văn hóa dân tộc để không gian đó trở nên sống động. Ở đó, mỗi khúc sông, mô đất, cánh đồng, gốc cây…đều có lai lịch, huyền tích, và sâu hơn nữa là lịch sử và văn hóa dân tộc.

Trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, yếu tố văn hóa dân gian chiếm một vị trí to lớn. Hầu như trong các tác phẩm của ông đều hiện diện các yếu tố huyền thoại, truyền thuyết, dân ca, tục ngữ. Trong tập truyện*Những ngọn gió Hua Tát* là những tư liệu sống động từ quá trình sống và làm việc của ông 10 năm tại vùng núi rừng Tây Bắc. Bản Hua Tát là nơi người Thái đen sinh sống trong một thung lũng hẻo lánh bốn bề bao bọc bởi núi non và quanh năm chìm trong sương mù dày đặc. Bởi vậy, toàn bộ khung cảnh ở đây dường như luôn huyền bí và thấm đẫm các truyền thuyết. Ở Hua Tát có rất nhiều truyền thuyết của địa phương. Tất cả những truyện này đều kể về những con người đặc biệt và những câu chuyện không bình thường còn lưu lại trong ký ức những người dân địa phương. Khi thì xuất hiện ở bìa rừng một con hổ khủng khiếp làm cả vùng kinh hãi (*Trái tim hổ*), khi là cuộc chiến của một bầy côn trùng màu đen làm trụi cả lá cây (*Chiếc tù và bỏ quên*), đó còn là trận dịch tả cướp đi sinh mạng con người không thương tiếc (*Nạn dịch*)… Những sự kiện không bình thường ấy làm thành cái nền, cái phông cho sự diễn biến của cốt truyện. Người làng Đông trong tiểu thuyết*Bến không chồng* có “tích làng”, có sự tích về hồ “mắt tiên”, truyền thuyết làng về gò ông Đổng. Người làng Giếng Chùa (*Mảnh đất lắm người nhiều ma*) có tích ngọc Giếng Chùa, ma núi ông Bụt, dòng họ Trịnh Bá thờ ông Ba Mươi. Làng Cổ Đình (*Mẫu thượng ngàn*) thờ thần cây Đa và thần Cẩu, cũng xuất phát từ quan niệm tâm linh của người Việt về thế giới: “vạn vật hữu linh”.

Tín ngưỡng thờ Mẫu (hiện nay các nhà nghiên cứu còn gọi là đạo Mẫu) là hình thức tín ngưỡng dân gian khá tiêu biểu, mang đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam, một hiện tượng văn hóa tín tâm linh độc đáo trong hệ thống tín ngưỡng dân gian đa thần của người Việt. Việc tôn thờ nữ thần đã phổ biến từ lâu, có nhà nghiên cứu khẳng định nó có từ khi hình thành dân tộc Việt. Truyền thuyết mẹ Âu Cơ, bà mẹ xứ sở sớm nhất của người dân Việt, lịch sử dựng nước và giữ nước cũng có những vị anh hùng lưu danh muôn thuở như Hai Bà Trưng, cùng với đó chúng ta bắt gặp ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam những đền, đài, miếu, phủ, đình, chùa… thờ các nữ thần, gắn liền với tín ngưỡng nông nghiệp và nguyên lý âm dương là khuynh hướng đề cao nữ tính. GS.Trần Ngọc Thêm cho rằng, một bồ cái lý không bằng một tí cái tình, lối sống tình cảm dẫn đến thái độ trọng đức, trọng văn, trọng phụ nữ. Còn GS.Trần Quốc Vượng thì khẳng định “nguyên lý Mẹ ăn sâu trong tâm trí và biểu hiện thành các chuẩn mực ứng xử”. Theo GS.Ngô Đức Thịnh, việc thờ Mẫu tuy có tên gọi khác nhau ở các miền đất nước nhưng có cội nguồn từ tục thờ các nữ thần. Ngày nay nó đã trở thành Đạo của người Việt, một đạo mang bản sắc Việt Nam rõ rệt nhất. GS. Trần Văn Đoàn (Đài Loan) thì cho rằng, mẫu tính trong văn hóa Việt dựa trên các yếu tố: sinh, dưỡng, dục, lạc. Mẫu tính đã trở thành một nét bản sắc quan trọng trong nền văn hóa Việt.

Những biểu hiện của nguyên lý tính Mẫu trong truyền thống văn học Việt Nam không phải ở thời kỳ nào cũng giống nhau. Theo GS. Trần Văn Đoàn, khi Nguyễn Du viết *Truyện Kiều*, ông đã “nhìn người phụ nữ theo nguyên lý Mẫu tính của người Việt”. Lịch sử văn học Việt đã có những chị Lý, Mẹ Tơm, Mẹ Suốt, Võ Thị Sáu… kiên trinh, bất khuất trong chiến tranh. Văn xuôi Việt Nam hiện đại vẫn giữ hình ảnh của người phụ nữ với những phẩm chất bao dung, nhân hậu, và đức hy sinh. Họ vẫn là trung tâm của gia đình, là chiếc cầu nối văn hóa giữa các thế hệ.

Người phụ nữ trong văn học Việt Nam, dù xưa hay nay, đều là hình ảnh của cái đẹp. Lòng khoan dung, sự vị tha nhẫn nại, nhân hậu… của người phụ nữ như là sự đối trọng với cái xấu, cái ác, là liều thuốc tinh thần hiệu nghiệm của mỗi người. Trong thế giới nhân vật của các nhà văn hiện đại như Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Xuân Khánh, Dương Hướng, Nguyễn Khắc Trường, Y Ban, Nguyễn Ngọc Tư… dường như các nhân vật nữ đều đẹp. Vẻ đẹp sinh sắc tươi nhuận được đặt trong sự vận động không ngừng của cuộc sống. Trong thế giới nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp, những người đàn ông hầu hết là đốn mạt, những người bất đắc chí, vô tích sự, nói chung là không ra gì. Ngược lại, các nhân vật nữ có những người ưu tú, nhiều người đáng xếp vào hàng liệt nữ. “Nó là hiện thân của nguyên tắc tư tưởng tạo ra cảm hứng chủ đạo của tác giả, có thể gọi đó là nguyên tắc tính nữ hay thiên tính nữ”. Là nàng Bua, nàng Sinh, là chị Thắm, con gái thủy thần, là Xuân Hương, bé Thu, người thiếu phụ chèo đò… tất cả những nhân vật này đều đẹp, mồi người một vẻ. Nhà văn đã khẳng định rằng: “Đẹp là một phẩm giá tinh thần cao quý của phụ nữ. Đó là tấm lòng bao dung và hào phóng với tất cả mọi người” (Truyện ngắn *Nàng Bua*). Họ không chỉ đẹp mà còn là biểu tượng của sự đùm bọc, sinh sôi, cứu giúp. Như bé Thu trong *Tâm hồn mẹ,*Thắm trong *Chảy đi sông ơi,*Sinh trong *Không có vua*… tất cả là sự mênh mông, ấm áp, chở che của những người mẹ bao trùm lên mỗi mái nhà.

Trong *Bến không chồng*, tác phẩm được Hội Nhà văn trao giải thưởng năm 1991, nhà văn Dương Hướng đã vẽ lên những người phụ nữ đẹp như huyền thoại. Đó là Ngần, cô gái đẹp nhất làng Đông, là chị Nhàn, Thắm, Thủy, Hạnh… họ đẹp từ trong cuộc sống đời thường đến những câu chuyện kể. Đức hy sinh, vị tha của cô Ngần, Thắm Hạnh… vừa làm người đọc ứa nước mắt thương cảm, vừa dấy lên sự cảm phục. Thiên tính Mẫu trong tác phẩm là ánh sáng, là sự hy vọng cho tất cả mọi người. Với nhà văn Nguyễn Khắc Trường, thiên tính nữ cũng biểu hiện ở mặt hoa da phấn, thắt đáy lưng ong, mắt lá răm đen nhánh… của Bà Son, cô Đào (Tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma*). Giữa cộng đồng nửa người nửa ma của xóm Giếng Chùa, với các nhân vật Phúc, Hàm, Thư, Ưởng, Ngạc, Cao… nhân vật Bà Son hiện lên như điển hình của một người vợ, người mẹ, người phụ nữ Việt Nam bao dung nhân hậu. Bà mang một sức sống mãnh liệt, một nguồn ánh sáng tươi mới cho tác phẩm.

Những nhân vật nữ được khắc họa, ca ngợi nhiều nhất, “đậm đặc” nhất là *Mẫu thượng ngàn* của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh. Cuốn tiểu thuyết đã nhận giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2006. Nhà văn cho biết: “tôi quyết định đẩy mạnh không gian trong tiểu thuyết, từ đơn thuần chỉ là kháng chiến chuyển sang viết về văn hóa Việt, văn hóa làng”. Luồng văn hóa xuyên suốt trong tác phẩm là đạo Mẫu. Trong tác phẩm của ông, tất cả người đàn bà đều đẹp và mãnh liệt sức sống, tràn trề tình yêu thương, bao dung nhân hậu, từ bà Tổ Cô bí ẩn, bà Ba Váy đa tình, đến cô Đồng Mùi, cô Mõ Hoa khốn khổ, cô trinh nữ Nhụ tinh khiết… Cả bà Đà của ông Đùng huyền thoại, tất cả tràn trề sinh lực, phồn thực, rất con người, rất đàn bà… Bà Tổ Cô trên đền Thánh Mẫu, cô Đồng Mùi là những người đàn bà đẹp nổi tiếng, chẳng cần trang điểm cũng đẹp nõn nà, bà đứng ở đâu là chỗ đó sáng rực lên. Hai người phụ nữ này là hiện thân của sự sống, của mẹ đất, mẹ nước. Nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng, đạo Mẫu trong tiểu thuyết (thể hiện qua các nhân vật nữ) vừa là tín ngưỡng, vừa thể hiện tính phồn thực và sự trường tồn của dân tộc Việt. Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đã dùng ngòi bút để phác họa rõ nét nền văn hóa Việt. Bởi mỗi tác phẩm văn học phải mang đến một thông điệp cho độc giả.

Trong văn xuôi hiện đại Việt Nam, các nhà văn nữ đã thể hiện nguyên lý tính Mẫu trong văn hóa Việt theo cách riêng của mình. Các yếu tố sinh, dưỡng, dục, lạc được thể hiện bằng tiếng nói của trái tim, bởi “người phụ nữ dùng con tim của mình để suy tư”. Với nhà văn Y Ban, khi viết về đề tài người phụ nữ là chị “đang vẽ chân dung đồng giới mình”. Chị hóa thân vào họ, thể hiện tâm hồn, gương mặt họ bằng cái nhìn chân thật nhất. *I am đàn bà*, một truyện ngắn đã mang đến cho nhà văn Y Ban những lời khen chê đối lập, và cũng đã tốn không ít giấy mực của các nhà nghiên cứu. Người phụ nữ nghèo khó với một đàn con, nhưng cái nghèo, cái đói không làm mất đi trong người đàn bà đó lòng bao dung nhân hậu, vị tha. Khi nhìn thấy đứa trẻ mới sinh bị bỏ trong rừng thì “sau sự sợ hãi là sự đau đớn chất cùng phả ra từ bản năng làm mẹ của thị” (tập truyện ngắn *I am đàn bà*, Nxb. Phụ nữ 2006, tr.5), khi phát hiện thằng bé còn sống, thị “ôm sát thằng bé vào ngực thị. Một cuộc luân hồi được nén trong ngực thị” (tr.6). Dù chỉ bú sữa cặn của một bà mẹ nghèo nhưng thằng bé cũng lớn vổng lên. Chị đã cho nó được làm người. Sự hiện diện của thằng bé đem đến cho gương mặt chị vẻ “rạng rỡ vô cùng’. Ở người phụ nữ không biết chữ, chưa bao giờ ra khỏi lũy tre làng, thiên tính Mẫu dường như mênh mông không bao giờ vơi cạn. Nó bao trùm lên những đứa con, lên thằng bé bị bỏ rơi, lên cả người đàn ông tàn tật mà chị chăm sóc. Chị khóc và thấy “tim đau ràn rạt” khi bị tố cáo về tội “quấy rối tình dục”. Lời bào chữa “*I am đàn bà*” chắc cũng được cảm thông và tha thứ.

Trong thế giới nhân vật của nhà văn Võ Thị Hảo, người đọc bắt gặp ở đó những người phụ nữ sẵn lòng bao dung, độ lượng. Trong truyện ngắn *Đường về trần*, người phụ nữ dù bất hạnh nhưng đến chết vẫn thương người chồng chẳng ra gì của mình. Người mẹ trong *Chuông vọng cuối chiều*, bà có quyền căm ghét, thù oán người chồng bội bạc, nhưng cuối cùng bà đã tha thứ, vì những suy nghĩ rất nhân văn, rất đàn bà: đứa con kia cũng là máu thịt của chồng bà. Tiếng chuông chiều ngân lên thong thả và những cánh hoa đại rơi trên sân chùa là nơi gửi gắm sự bình yên trong tâm hồn bà.

Năm 2006, văn đàn Việt Nam đã nóng lên bởi tác phẩm *Cánh đồng bất tận* của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư- nhà văn trẻ của vùng đất Nam Bộ. Khi *Cánh đồng bất tận* được trao giải của Hội Nhà văn Việt Nam thì Nguyễn Ngọc Tư được coi là một hiện tượng của văn học trẻ nước nhà. Những trang viết của chị mang nhiều nỗi niềm của người đàn bà Nam Bộ. Chị viết về người dân quê mình chịu thương chịu khó, yêu say đắm nồng nàn, và đức hy sinh cao cả. Đó là sự hy sinh âm thầm, là tình yêu nồng nàn cháy bỏng của người đàn bà trong *Dòng nhớ,*trong *Nhà cổ.* Đó là lòng bao dung nhân hậu, hy sinh trong tác phẩm *Duyên phận so le:*Xuyến đã hy sinh hạnh phúc, hy sinh cuộc đời mình để cho con được yên ấm. “Nghe buồn anh cõng buồn em đi lê thê trong dạ… cồn cào, oằn oại, tả tơi gió” (tập truyện ngắn *Cánh đồng bất tận*, Nxb.Trẻ, 2005, tr.34 của Xuyến- những nỗi buồn mà cô giấu chặt trong lòng không kể cùng ai- mới cảm nhận hết sự hy sinh của cô: chỉ có sự hy sinh lớn lao của người mẹ mới giúp cô đứng vững trước nắng, trước gió, trước “niềm đau đang bời bời như bão”.

Các tác phẩm văn xuôi hiện đại đã khai thác và sử dụng những giá trị văn hóa dân tộc như một sức mạnh làm nên chiều sâu và sức sống trường tồn. Các nền văn hóa trên thế giới tồn tại và phát triển đều nhờ vào những hình thái văn hóa mang bản sắc như lễ hội, tín ngưỡng, phong tục tập quán… Những giá trị văn hóa đó được lưu giữ, truyền tụng bằng nhiều hình thức khác nhau, trong các hình thức đó có văn học.

**Vũ Thị Mỹ Hạnh**